

**A. Hướng dẫn chung:**

1. Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong hướng dẫn chấm thì vẫn cho đủ điểm như hướng dẫn quy định.
2. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình chấm phải được trao đổi, thống nhất trong tổ chấm và hội đồng chấm thi.
3. Điểm toàn bài là tổng số điểm các câu trong bài. Không làm tròn.

**B. Đáp án và thang điểm:**

Câu	Nội dung	Điểm
<b>Câu 1</b> (3,0 điểm)	- Đây là chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời giữa 2 chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam.	0,5
	- Trình bày hiện tượng và giải thích:	
	+ 21/3 Mặt Trời chiếu thẳng góc vào xích đạo.	0,25
	+ Sau 21/3, Mặt Trời di chuyển dần lên chí tuyến Bắc và chiếu thẳng góc vào chí tuyến Bắc ngày 22/6.	0,25
	+ Sau 22/6, Mặt Trời di chuyển dần xuống Xích đạo và chiếu thẳng góc vào Xích đạo ngày 23/9.	0,25
	+ Sau 23/9, Mặt Trời di chuyển dần xuống chí tuyến Nam và chiếu thẳng góc vào chí tuyến Nam vào ngày 22/12	0,25
	Sau 22/12, Mặt Trời di chuyển dần lên Xích đạo, rồi lại lên chí tuyến Bắc...	0,25
- Hiện tượng Mặt Trời ở đúng đỉnh đầu lúc 12 giờ trưa được gọi là Mặt Trời lên thiên đỉnh. Ở Trái Đất ta thấy hiện tượng này chỉ lần lượt xảy ra tại các địa điểm từ vĩ tuyến 23 <sup>0</sup> 27'N đến 23 <sup>0</sup> 27'B và ngược lại. Điều đó làm cho ta có ảo giác là Mặt Trời di chuyển. Nhưng trong thực tế, không phải Mặt Trời di chuyển mà là Trái Đất chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời.	0,75	
- Chuyển động biểu kiến của Mặt Trời hay hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh có ở mọi địa điểm trên lãnh thổ nước ta. Vì Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến của nửa cầu Bắc, có điểm cực Bắc là 23 <sup>0</sup> 23'B và điểm cực Nam là 8 <sup>0</sup> 34'B (6 <sup>0</sup> 50'B).	0,5	
<b>Câu 2</b> (3,5 điểm)	1. Phân tích: (1,5 điểm)	
	- Hà Nội có nền nhiệt độ thấp hơn TP. Hồ Chí Minh: nhiệt độ trung bình năm 23,5 <sup>0</sup> C so với 27,1 <sup>0</sup> C.	0,25
	- Hà Nội có 3 tháng (12,1 và 2) nhiệt độ xuống dưới 20 <sup>0</sup> C, thậm chí có 2 tháng nhiệt độ xuống dưới 18 <sup>0</sup> C. TP. Hồ Chí Minh quanh năm nóng, không có tháng nào nhiệt độ xuống dưới 25,7 <sup>0</sup> C.	0,25
	- Hà Nội có 4 tháng (6,7,8,9) nhiệt độ cao hơn TP. Hồ Chí Minh.	0,25
	- Biên độ nhiệt độ ở Hà Nội cao, tới 12,5 <sup>0</sup> C. Biên độ nhiệt độ ở TP. Hồ Chí	0,25

	<p>Mình thấp, chỉ có 3,2<sup>0</sup> C.</p> <p>- Nhiệt độ tháng cao nhất của Hà Nội rơi vào tháng 7 còn TP. Hồ Chí Minh rơi vào tháng 4; Nhiệt độ tháng thấp nhất của 2 địa điểm gần bằng nhau là tháng 1(Hà Nội) và tháng 12 (TP. Hồ Chí Minh).</p>	0,25
	<p>2. Giải thích: (2,0 điểm)</p> <p>- Hà Nội chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa đông bắc thổi từ vùng áp cao lục địa phương Bắc tràn xuống nên có nhiệt độ thấp trong các tháng mùa đông và có nền nhiệt độ thấp hơn. Trong thời gian này TP.Hồ Chí Minh không chịu tác động của gió này nên nền nhiệt độ cao.</p> <p>- Hà Nội nằm ở gần chí tuyến Bắc cùng với nhiệt độ hạ thấp về mùa đông nên biên độ nhiệt cao hơn. TP.Hồ Chí Minh nằm gần xích đạo nên 2 mùa đều có nền nhiệt độ tương đối cao, biên độ nhiệt thấp hơn.</p> <p>- Hà Nội nằm gần chí tuyến Bắc, thời gian 2 lần Mặt Trời qua thiên đỉnh ngắn hơn, thêm vào đó hiệu ứng phon thính thoáng xảy ra trong mùa hạ, nên nhiệt độ các tháng 6,7,8,9 cao hơn ở TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>- Do hoạt động biểu kiến của Mặt Trời nên thời gian nhiệt độ cao nhất có sự chênh lệch giữa 2 địa điểm. Nhiệt độ thấp nhất của 2 địa điểm gần nhau vì đây là thời gian Mặt Trời chuyển động biểu kiến về Nam bán cầu.</p>	0,5 0,5 0,5 0,5
<b>Câu 3</b> <b>(5,0 điểm)</b>	<p>1.Tình hình hoạt động: 1,5 điểm</p> <p>- Tổng kim ngạch XNK tăng liên tục qua các năm: dẫn chứng năm 2000: 30,1 tỉ đôla; 2002: 36,4 tỉ; 2005: 69,2 tỉ; 2007: 111,4 tỉ.</p> <p>- Tăng cả XK và NK: dẫn chứng</p> <p>- Cán cân XNK chủ yếu là nhập siêu, giá trị nhập siêu ngày càng tăng: dẫn chứng.</p> <p><i>(thiếu dẫn chứng trừ ½ số điểm).</i></p>	0,5 0,5 0,5
	<p>2.Cơ cấu các mặt hàng XNK- 2007 (1,5 điểm)</p> <p>- Cơ cấu hàng XK: công nghiệp nặng và khoáng sản: 34,3%; công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp: 42,6%; nông lâm sản: 15,4%; thủy sản: 7,7%. Các mặt hàng xuất khẩu đã qua chế biến còn chiếm tỉ trọng khiêm tốn. Thị trường xuất khẩu lớn nhất hiện nay của nước ta là Hoa Kỳ và Nhật Bản.</p> <p>- Cơ cấu hàng NK: máy móc, thiết bị, phụ tùng: 28,6%; nguyên, nhiên, vật liệu: 64,0%; hàng tiêu dùng: 7,4%. Các mặt hàng NK chủ yếu là nguyên, nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng... chiếm ưu thế tuyệt đối, nhằm phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Nước ta nhập khẩu tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Á, các nước cung cấp chủ yếu là Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc.</p>	0,75 0,75
	<p>3.Tình hình xuất nhập khẩu: (1,5 điểm)</p> <p>- Có sự phân hóa rõ rệt giữa các vùng: tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận, Đồng bằng sông Cửu Long. Các vùng còn lại giá trị XNK không đáng kể trừ một vài tỉnh/thành phố: Đà Nẵng, Nha Trang, Đắk Lắk...</p> <p>- Không đồng đều về giá trị: tỉnh có giá trị cao như TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Hà Nội, Hải Phòng; các tỉnh có giá trị thấp ở Tây Nguyên, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ...</p>	0,5 0,5

	- Không đều về cán cân (tính xuất siêu, tính nhập siêu...). Nổi bật là TP. Hồ Chí Minh (XK: 18.930 triệu đô la Mỹ, NK: 17470 triệu đô la Mỹ); Hà Nội(XK: 4.518 triệu đô la Mỹ, NK: 14.946 triệu đô la Mỹ).	0,5				
	4.Bạn hàng: (0,5 điểm) - Chủ yếu là khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Tây Âu, Bắc Mỹ, các khu vực còn lại không đáng kể. - Các bạn hàng lớn nhất: Nhật Bản, Trung Quốc, Xingapo, Hoa Kỳ, Đài Loan, Hàn Quốc...	0,25 0,25				
<b>Câu 4</b> <b>(3,5 điểm)</b>	<b>1. Khái quát</b> (0,5 điểm) Hệ thống sông Cửu Long là bộ phận thuộc hạ lưu sông Mê Kông, bắt nguồn trên cao nguyên Tây Tạng của TQ ở độ cao > 5000m, sông chảy theo hướng B-N sau đó chảy theo hướng TB - ĐN vào Việt Nam và đổ ra Biển Đông qua chín cửa nên có tên là Cửu Long. Hệ thống sông Cửu Long gồm hai nhánh chính là sông Tiền, sông Hậu và chiếm phần nhỏ diện tích lưu vực trên toàn hệ thống sông MêKông.	0,5				
	<b>2. Chế độ nước sông:</b> (1,75 điểm) -Chế độ nước sông có sự phân mùa: Mùa lũ và mùa cạn. +Mùa lũ: từ tháng 7 đến tháng 1, tổng lượng nước trong mùa lũ lớn chiếm > 80% tổng lượng nước cả năm, đỉnh lũ là tháng 10 và lớn hơn tổng lượng nước trong mùa cạn. (minh họa số liệu) - <i>Thiếu minh họa trừ 0,25</i> +Mùa khô: từ tháng 2 đến tháng 6. Đỉnh cạn là tháng 3 do lượng mưa trên toàn lưu nhỏ.(minh họa số liệu) - <i>Thiếu minh họa trừ 0,25</i> Sự chênh lệch giữa mùa lũ và mùa cạn lớn, đỉnh lũ gấp nhiều lần đỉnh cạn. (29000 m <sup>3</sup> /s so với 1570 m <sup>3</sup> /s) + Cường độ lũ: Lũ lên chậm và rút chậm.	0,25 0,5 0,5 0,25				
	<b>3.Giải thích:</b> (1,25 điểm) - Chế độ nước sông chia thành 2 mùa do: Nguồn cung cấp nước cho sông chính là nước mưa trong khi chế độ mưa phân thành hai mùa mùa mưa và mùa khô -> sông có hai mùa mùa lũ và mùa cạn. - Sự chênh lệch giữa mùa lũ và mùa cạn lớn do: Mùa mưa do ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới đi qua, gần với thời kì mặt trời lên thiên đỉnh ->gây mưa lớn. Về mùa khô do lượng mưa nhỏ, nhiệt độ cao, độ bốc hơi lớn... - Lũ sông lên chậm và rút chậm do: Hệ thống Sông Cửu Long thuộc phần hạ lưu sông Mê Kông, sông chảy trên ĐB có độ dốc nhỏ, mùa mưa chậm dần từ thượng nguồn về hạ nguồn nên ít có khả năng sinh lũ trên toàn lưu vực. Mạng lưới sông hình lông chim không có đê nên lũ tràn khắp đồng bằng, các vùng trũng khả năng chứa nước lớn. Có sự điều tiết của Biển Hồ, trên toàn lưu vực diện tích rừng còn khá nhiều -> khả năng giữ nước tốt.	0,25 0,5 0,25 0,25				
	<b>1. Xử lí số liệu:</b> (1,0 điểm) - Lập công thức tính: - Lập bảng số liệu: Bảng cơ cấu giá trị sản lượng thủy sản ở nước ta qua các năm (Đơn vị: %)	0,25 0,75				
		<table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Thủy sản đánh bắt</th> <th>Thủy sản nuôi trồng</th> <th>Tổng</th> </tr> </thead> </table>	Năm	Thủy sản đánh bắt	Thủy sản nuôi trồng	Tổng
Năm	Thủy sản đánh bắt	Thủy sản nuôi trồng	Tổng			

	<b>1990</b>	81,8	18,2	100,0	
	<b>1995</b>	75,4	24,6	100,0	
	<b>2000</b>	73,8	26,2	100,0	
	<b>2002</b>	68,1	31,9	100,0	
	<b>2005</b>	57,4	42,6	100,0	
	<b>2007</b>	49,7	50,3	100,0	
<p>2. Vẽ biểu đồ miền: (2,0 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ chính xác khoảng cách năm, có tỉ lệ, có tên biểu đồ, có chú giải, sạch đẹp.</li> <li>- Trừ điểm: nếu thiếu hoặc sai 1 trong các lỗi trên thì trừ 0,25 điểm/lỗi; riêng sai chú giải hoặc sai khoảng cách tỉ lệ trừ 0,5 điểm.</li> <li>- Vẽ các dạng biểu đồ khác không cho điểm.</li> </ul>					
<p>3. Nhận xét: (2,0 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1990 đến 2007 tổng lượng thủy sản, thủy sản đánh bắt và thủy sản nuôi trồng ở nước ta có xu hướng tăng. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng lượng thủy sản tăng 4,6 lần, từ 890,6 lên 4149 nghìn tấn.</li> <li>+ Thủy sản đánh bắt tăng gần 3 lần, từ 728,5 lên 2064 nghìn tấn.</li> <li>+ Thủy sản nuôi trồng gần 13 lần, từ 162,1 lên 2085 nghìn tấn.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><i>(thiếu các ý + trừ 0,25 đ)</i></p> </li> <li>→ Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản đánh bắt. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Do tốc độ tăng khác nhau nên từ 1990 đến 2007 cơ cấu sản lượng thủy sản có sự thay đổi theo hướng giảm dần tỉ trọng sản lượng thủy sản đánh bắt, tăng dần tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tỉ trọng thủy sản đánh bắt có xu hướng giảm từ 81,8% xuống còn 49,7%, giảm 32,1 %.</li> <li>+ Tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng từ 18,2 % lên 50,3%, tăng 32,1%.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><i>(thiếu các ý + trừ 0,25 đ)</i></p> </li> </ul> </li> </ul> <p>Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản lượng thủy sản tăng do: Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển, vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn, diện tích mặt nước lớn, người dân có nhiều kinh nghiệm, thị trường tiêu thụ rộng, chính sách, phát triển công nghiệp chế biến... <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉ trọng thủy sản đánh bắt giảm do chủ yếu đánh bắt gần bờ, nguồn lợi suy giảm, thiếu các phương tiện, ngư cụ đánh bắt xa bờ, kĩ thuật còn lạc hậu...</li> <li>- Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn là do nước ta có diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản lớn, chính sách đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản nhằm khai thác tốt hơn tiềm năng của đất nước, thị trường mở rộng, đồng thời đưa vào nuôi trồng nhiều loại thủy sản có giá trị kinh tế cao...</li> </ul> </li> </ul>					

-----Hết-----